

LÊ THỊ THU HIỀN*

TÍN NGƯỠNG, LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG CỦA CƯ DÂN VEN BIỂN NAM TRUNG BỘ: BIẾN ĐỔI VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

Tóm tắt: Duyên hải Nam Trung Bộ là vùng đất có bề dày lịch sử và đa dạng sắc thái văn hóa, trong đó sắc thái văn hóa biển giữ vai trò nổi trội, thể hiện trong các sinh hoạt dân gian như tín ngưỡng, lễ hội, phong tục tập quán, văn học nghệ thuật,... của các thế hệ cư dân trong vùng. Trước những biến thiên của lịch sử, nhất là tác động mạnh mẽ của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ở các tỉnh thành ven biển Nam Trung Bộ đầu thế kỷ XXI, văn hóa truyền thống, trong đó có tín ngưỡng và lễ hội của vùng dần biến đổi. Những biến đổi đó đặt ra một số vấn đề về chủ thể, niềm tin và thực hành tín ngưỡng, lễ hội, kinh phí bảo tồn... và cho thấy sự cần thiết phải có các giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy giá trị tín ngưỡng cũng như lễ hội của cộng đồng cư dân ven biển Nam Trung Bộ trong bối cảnh đô thị hóa, hội nhập hiện nay.

Từ khóa: Tín ngưỡng, lễ hội, cư dân ven biển, biến đổi, Nam Trung Bộ

Dẫn nhập

Với sinh kế gắn liền biển cả từ bao đời nay, cộng đồng cư dân ven biển Nam Trung Bộ đã tạo dựng nên những giá trị văn hóa đặc sắc trong quá trình lao động, sinh hoạt trên biển, điển hình là hệ thống tín ngưỡng và lễ hội. Đề cập đến vấn đề này, trước hết là những công trình nghiên cứu chung về văn hóa biển Nam Trung Bộ như *Văn hóa biển vùng duyên hải Nam Trung Bộ* của Ngô Thị Thu Hương [Ngô Thị Thu Hương, 2014], *Tiểu vùng văn hóa duyên hải Nam Trung Bộ* của Hà Nguyễn [Hà Nguyễn, 2013]. Trong những công trình trên, tín ngưỡng và lễ hội được khảo tả sơ lược như hai thành tố văn hóa tinh thần tiêu biểu của vùng Nam Trung Bộ, nổi bật là tín ngưỡng thờ cá Ông gắn với lễ hội Cầu ngư. Bên cạnh đó, những công trình đi sâu vào

* Khoa Lịch sử, trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng.

Ngày nhận bài: 20/2/2024; Ngày biên tập: 28/2/2024; Duyệt đăng: 28/4/2024.

tìm hiểu tín ngưỡng thờ Mẫu ở Nam Trung Bộ như Mẫu Thiên Yana, Thiên hậu [Nguyễn Thị Thanh Vân, 2015], [Lý Thị Nhâm, 2018], tín ngưỡng thờ cá Voi [Nguyễn Thanh Lợi, 2006], hay tín ngưỡng thờ cúng âm hồn [Nguyễn Đăng Vũ, 2007], [Phạm Tấn Thiên, 2018]. Ngoài ra, những công trình tìm hiểu về lễ hội, tín ngưỡng của từng địa phương ở ven biển Nam Trung Bộ như luận án tiến sĩ *Văn hóa dân gian của cư dân ven biển Quảng Ngãi* của Nguyễn Đăng Vũ. Tác giả đã đi vào khảo sát một số tín ngưỡng, lễ hội, nghệ thuật diễn xướng, tạo hình và văn học dân gian tiêu biểu của cư dân ven biển Quảng Ngãi, rút ra những giá trị và đặc trưng riêng trên cơ sở so sánh, đối chiếu với các tỉnh ven biển khác như Quảng Nam, Quảng Bình, Bến Tre... [Nguyễn Đăng Vũ, 2003]. Chuyên sâu vào bộ phận cư dân ven biển Quảng Nam - Đà Nẵng và chỉ khảo sát ở phương diện tín ngưỡng, Nguyễn Xuân Hương đã phản ánh sinh hoạt tín ngưỡng trong đời sống của cộng đồng cư dân ven biển Quảng Nam - Đà Nẵng qua nghiên cứu tín ngưỡng thờ cá Voi, tín ngưỡng thờ Mẫu, tín ngưỡng thờ cô hồn/cô bác, tín ngưỡng thờ tiền hiền, hậu hiền trên phương diện truyền thống [Nguyễn Xuân Hương, 2009], và bài viết về lễ hội Cầu ngư ở Quảng Nam - Đà Nẵng [Nguyễn Xuân Hương, 2002]. Cũng nghiên cứu về tín ngưỡng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, tác giả Lê Thị Thu Hiền lại tập trung vào khía cạnh biến đổi của tín ngưỡng của cư dân ven biển Đà Nẵng và vấn đề bảo tồn, phát huy giá trị của tín ngưỡng cư dân ven biển Đà Nẵng trong quá trình đô thị hóa hiện nay qua khảo sát khu vực vốn là ba làng biển trước đây, đó là làng Thanh Khê, làng Mỹ Khê và Nam Thọ [Lê Thị Thu Hiền, 2017; 2018]. Bàn về văn hóa biển Phú Yên, tập thể tác giả của Viện Văn hóa nghệ thuật và Sở Văn hóa - thông tin Phú Yên có công trình *Văn hóa cư dân Việt ven biển Phú Yên*, trong đó có đề cập đến những tín ngưỡng và lễ hội truyền thống của cư dân ven biển nơi đây [Viện Văn hóa Thông tin, 2006]. Đi vào thành tố cụ thể, Trần Quang Nhất chủ biên công trình lễ hội miền biển và sông nước ở Phú Yên [Trần Quang Nhất (cb), 2014]. Còn ở Khánh Hòa, công trình chuyên khảo *Tục thờ cúng của ngư phủ lưới đăng Khánh Hòa* của Lê Quang Nghiêm đã đưa đến một cái nhìn cụ thể, rõ ràng hơn về niềm tin, nguồn gốc thờ cúng và lễ nghi khăn vái của những người hành nghề đánh bắt cá bằng cách đặt lưới cố định dọc theo chân các gành đảo ở Khánh Hòa qua việc điền dã, khảo sát các tục thờ [Lê Quang Nghiêm, 1972]. Tác giả Nguyễn Thị Thanh Xuyên đặt trọng tâm nghiên cứu vào tín ngưỡng thờ nữ thần của cư dân ven biển tỉnh Khánh Hòa [Nguyễn Thị Thanh Xuyên, 2016].

Nhìn chung, chưa có công trình nào tiếp cận tín ngưỡng và lễ hội của cư dân ven biển Nam Trung Bộ trong một chỉnh thể và ở cả hai chiều thời gian: truyền thống - hiện tại để nhận diện sự biến đổi trong lễ hội và tín ngưỡng của cư dân ven biển Nam Trung Bộ, những vấn đề đặt ra từ sự biến đổi đó và đề xuất một số giải pháp bảo tồn, phát huy. Đó là những vấn đề mà bài viết sẽ làm rõ qua khảo sát thực tế một số điểm nghiên cứu tại thành phố Đà Nẵng, tỉnh Bình Định và tỉnh Khánh Hòa thuộc khu vực Nam Trung Bộ.

1. Tín ngưỡng và lễ hội của cư dân ven biển Nam Trung Bộ - Những yếu tố truyền thống

Nam Trung Bộ là vùng đất mới được hình thành trong lịch sử “Nam tiến” của dân tộc Việt. Tại vùng đất mới này, trong mối quan hệ đa chiều với môi trường môi sinh, cụ thể là Đất - Nước/Biển và Người đã khuất, cư dân ven biển Nam Trung Bộ đã thiêng hóa các đối tượng đó thành Thần Thánh, Thần Mẫu và Thần Nhân, được thờ phụng theo tinh thần dung hợp, khoan hòa và tôn trọng của những con người “xa quê”. Tín ngưỡng và lễ hội của cư dân ven biển Nam Trung Bộ là sự tiếp nối dòng chảy tín ngưỡng và lễ hội truyền thống của người Việt ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ tại vùng đất mới, mở rộng về phương Nam và tích hợp với các sắc thái văn hóa, tín ngưỡng của cư dân “tiền Việt” - người Chăm. Ở những làng ven biển, trong các tín ngưỡng mang theo của cư dân nông nghiệp như tín ngưỡng thờ Thành hoàng, tín ngưỡng thờ Tiên hiền, tín ngưỡng thờ Cô hồn, tín ngưỡng thờ Nữ thần/Mẫu thần đã xen lẫn với màu sắc ngư nghiệp và song song là sự hình thành tín ngưỡng riêng của nghề biển - tín ngưỡng thờ cá Voi; cũng như bên cạnh lễ hội đình làng, lễ cúng thần Nông là lễ vía Bà, lễ cúng vũng, lễ hội Cầu ngư...

1.1 Một số tín ngưỡng tiêu biểu

Tín ngưỡng thờ cá Voi: Gắn liền với cuộc sống mưu sinh trên biển, tín ngưỡng thờ cá Voi là tín ngưỡng đặc thù nhất trong đời sống tâm linh của ngư dân Nam Trung Bộ. Dù có cội nguồn từ tín ngưỡng thờ cá của người Việt Bắc Bộ hay tiếp biến tín ngưỡng thờ thần sóng của người Chăm, nhưng quan trọng hơn là sự gắn bó trên thực tế giữa dân biển với cá Voi trong việc tìm ra các nguồn cá và sự chỉ dẫn con đường về đất liền lúc gặp giông gió, mưa bão khi điều kiện phương tiện vận chuyển đánh bắt còn rất thô sơ, thông tin liên lạc chưa có. Vì vậy, biết ơn sự giúp đỡ của cá Voi, ngư dân Nam Trung Bộ đã lập lăng thờ, đồng thời cầu xin Ngài phù hộ được may mắn, bình an lúc ra khơi vào lộng. Mặt khác, tín ngưỡng này về sau lại được củng cố chặt chẽ hơn bởi những quy định mang tính pháp lý thời vua Gia Long.

Tín ngưỡng thờ tiền hiền: Gắn với công cuộc khai hoang lập làng của người Việt trong hành trình đi mở cõi, tín ngưỡng thờ tiền hiền thể hiện đạo lý “uống nước nhớ nguồn” từ bao đời nay của người Việt. Nam Trung Bộ xưa vốn thuộc vùng “Ô châu ác địa”, thế nhưng, những tiên dân Việt đã kiên trì tìm kiếm những bàu nước ngọt, những dòng sông, khe suối, tìm kiếm những giống cây trồng thích hợp và tận dụng môi trường sống mới với nguồn tài nguyên biển phong phú. Họ khai sơn phá thạch, bảm đất xây làng, tạo dựng nền tảng cho con cháu đời sau có được cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Tưởng nhớ công ơn của những người đầu tiên đặt chân lên mảnh đất và đặt nền móng cho sự hình thành xóm làng, tạo dựng cuộc sống an vui, hạnh phúc lâu dài, ở tất cả các làng đánh cá ven biển Nam Trung Bộ đều có cơ sở thờ tự thờ cúng các vị tiền hiền của làng. Việc thờ tiền hiền làng thường là phối thờ với thần Thành hoàng ở trong đình như ở hầu hết các làng ven biển Nam Trung Bộ, có nơi thờ ở nhà thờ riêng của tộc như làng Thanh Khê (Đà Nẵng), lại có nơi xây cơ sở thờ tự riêng để thờ như làng Nam Thọ (Đà Nẵng), làng Tứ Chánh (Bình Định).

Tín ngưỡng thờ Nữ thần/Mẫu thần: Thờ Nữ/Mẫu/Mẹ/Bà và các yếu tố tính Nữ đã xuất hiện từ rất sớm trong đời sống tâm linh người Việt. Sự hình thành của tín ngưỡng thờ Nữ thần/Mẫu thần ở Việt Nam nói chung, vùng đất Nam Trung Bộ nói riêng trước hết được lý giải từ quyền năng sáng tạo sinh sôi của người phụ nữ, đáp ứng khát vọng đủ đầy của con người ở thuở ban đầu. Bên cạnh đó, vai trò người phụ nữ trong nền kinh tế nông nghiệp lúa nước ở Việt Nam cũng như sự sống còn của yêu cầu duy trì và phát triển giống nòi. Ở khu vực miền Trung, tín ngưỡng thờ Nữ thần/Mẫu thần của người Việt có sự cộng hưởng với tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na của người Chăm và ở xứ Quảng (Quảng Nam và Đà Nẵng), tín ngưỡng này còn có liên quan đến Phật giáo Ấn Độ [Lê Văn Hào, 2012: 51]. Ở các làng ven biển Nam Trung Bộ, tiêu biểu như tín ngưỡng thờ bà Ngũ Hành ở làng Nam Thọ, làng Nhơn Lý (thôn Lý Hưng và Lý Chánh); Bà Thiên Y Ana ở làng Nam Thọ, làng Thanh Khê, làng Nhơn Lý (thôn Lý Chánh), làng Phước Đồng; Bà Đại Càn ở làng Mỹ Khê, Nam Thọ; bà Thủy Long ở làng Nam Thọ, làng Nhơn Lý (thôn Lý Hưng và Lý Chánh), làng Cát Ném (thị trấn Vạn Giã).

Tín ngưỡng thờ cô hồn/cô bác: Tín ngưỡng thờ cô hồn/cô bác của ngư dân Nam Trung Bộ nằm trong dòng chảy chung của tín ngưỡng thờ cô hồn ở người Việt miền Bắc và Bắc Trung Bộ nhưng mức độ đậm nét hơn, biểu hiện tính nhân văn, tinh thần nhân ái của người

Việt. Khi mới đến vùng đất này trên bước đường Nam tiến, cư dân Việt phải thường xuyên đối mặt với điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, dịch bệnh, thú dữ nên nhiều người phải bỏ mạng. Cảm thương cho các số phận bất hạnh, những người dân tha phương cùng nhau xây dựng miếu thờ, cùng các nghĩa tự, nghĩa trùng để hương khói, phụng thờ như: dinh Cô hồn (làng Nam Ô, thuộc Đà Nẵng); miếu Âm linh (làng Nam Thọ và làng Mân Thái, thuộc Đà Nẵng), Âm linh tự (làng Tứ Chánh thuộc Tam Quan Bắc, Hoài Nhơn, Bình Định), miếu Cô hồn (làng Thiện Xuân thuộc Tam Quan Bắc, Hoài Nhơn, Bình Định), Hữu dinh (thôn Lý Chánh, làng Nhơn Lý, Bình Định), miếu Âm hồn (làng Cát Ném thuộc Vạn Giã, Vạn Ninh, Khánh Hòa),... Bên cạnh đó, mảnh đất Nam Trung Bộ từng là nơi diễn ra các trận giao tranh, xung đột giữa người Việt và người Chăm, sau này là kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Trong các cuộc chiến đó, có người chiến đấu hy sinh, có người chịu tên bay đạn lạc, nhiều người không có điều kiện đưa về quê nhà chôn cất, trở thành những nấm mồ vô danh và được người dân ven biển an táng, hương khói. Hơn nữa, nghề đi biển trong buổi đầu hết sức thô sơ về công cụ đánh bắt, phương tiện hành nghề, rất nhiều ngư dân đã bỏ mình trong công cuộc mưu sinh trên biển và được người dân ở các làng ven biển thương tiếc đưa vào thờ trong miếu âm linh của làng. Đơn cử như ở làng Thanh Khê (Đà Nẵng) có nhà thờ Tập linh nghề cá làng Thanh Khê, là nơi quy tụ, tập hợp linh hồn các ngư dân làng Thanh Khê đã bỏ mình trên biển vì cuộc sống mưu sinh, đặc biệt là trong các trận bão lớn năm Quý Ty (1893), năm Bính Tuất (2006).

1.2. Một số lễ hội tiêu biểu

Lễ cầu ngư: Còn có tên gọi lễ cầu ba, là lễ tế ông Tử (Nam Hải Ngọc Lân) nhằm ba điều nguyện lớn: Quốc thái dân an, cá đồ đầy khoang, đi biển (bỏ vạ) bình an. Lễ hội cầu ngư có ở hầu hết các làng ven biển Nam Trung Bộ và thường diễn ra trong khoảng thời gian từ trung tuần tháng giêng đến tháng 3 âm lịch như thôn Lý Chánh thuộc làng Nhơn Lý (Quy Nhơn, Bình Định) ngày 10 tháng giêng; làng Thanh Khê (Thanh Khê, Đà Nẵng) ngày 23 tháng giêng; làng Vạn Giã (Vạn Ninh, Khánh Hòa) ngày 16/2; làng Nam Thọ (Thọ Quang, Đà Nẵng) ngày 26/2; thôn Lý Hưng thuộc làng Nhơn Lý (Quy Nhơn, Bình Định) tổ chức vào ngày 6/3; làng Tứ Chánh (Hoài Nhơn, Bình Định) ngày 27/3. Có làng như làng Đề Gi (Phù Cát, Bình Định) ngày 10/4, làng Mỹ Khê (Phước Mỹ, Đà Nẵng) ngày 18/5, làng Phước Đồng ngày 15/6. Địa điểm tổ chức lễ hội là tại lã Ông (chủ yếu

phần lễ) và bãi biển (chủ yếu phần hội). Về quy mô, thông thường các làng tuân thủ theo lệ “tam niên đáo hạn”, ba năm cúng lớn một lần, gọi là đại lễ (với đầy đủ lễ vật, nghi thức, diễn xướng và các trò vui chơi), còn lại một năm cúng tiểu lễ, năm sau cúng trung lễ.

Trình tự và nghi thức trong lễ hội cầu ngư ở dân biển Nam Trung Bộ cơ bản phần lễ gồm các tiểu lễ sau: Lễ nghinh ông Sanh, lễ vọng, lễ tế Âm linh/ Cô bác, lễ chính và lễ xây châu hát bả trạo. Ở lễ nghinh ông Sanh, phần lớn các làng biển ở Đà Nẵng thực hiện nghi lễ này trên bờ như Thanh Khê, Mỹ Khê, Nam Thọ, rất ít làng làm lễ ra khơi nghinh Ông như làng Nại Hiên Đông, Nam Ô. Ngoài ra, ở làng Thanh Khê, trước khi ra biển nghinh Thủy thần, phải tiến hành lễ vía bà Thánh phi - bà chúa Ngọc. Sau lễ nghinh thủy thần có mời các nhà sư đến tụng kinh và hoàn kinh cầu siêu cho những người trong vạn bị mất tích trên biển. Làng Nam Thọ, năm nào tổ chức lễ hội thì có thêm lễ nghinh sắc, nghinh văn trước lễ vọng. Ở Bình Định có làng Tứ Chánh thuộc xã Tam Quan Bắc, huyện Hoài Nhơn và thôn Lý Chánh, làng Nhơn Lý thuộc thành phố Quy Nhơn (Bình Định), ở Khánh Hòa có làng Vạn Giã thuộc huyện Vạn Ninh và làng Phước Đồng thuộc thành phố Nha Trang (Khánh Hòa) vẫn giữ lễ nghinh thần ngoài khơi. Riêng Tứ Chánh, Nhơn Lý và Vạn Giã còn thực hiện lễ tinh sanh sau lễ vọng. Làng Vạn Giã có thêm lễ thỉnh sắc tại chùa Linh Sơn trước lễ vọng.

Lễ kỳ yên: Lễ kỳ yên cũng là một trong những lễ trọng của cư dân ven biển Nam Trung Bộ xưa nay, mục đích cầu xin Thành hoàng và các bậc tiền nhân phù hộ cho làng một năm mưa thuận gió hòa, cầu bình yên, quốc thái dân an, đồng thời tri ân tiền hiền, hậu hiền đã có công sáng lập, xây dựng làng. Nếu lễ cầu ngư chủ yếu hướng đến đối tượng ngư dân thì lễ kỳ yên bao trùm lên toàn bộ dân trong làng, không loại trừ thành phần nào và cũng tuân thủ quy tắc “tam niên đáo hạn”, ba năm tổ chức lễ hội một lần, còn gọi là lễ hội đình hay lễ hội làng.

Lễ kỳ yên ở cư dân ven biển Đà Nẵng được tiến hành vào khoảng tháng 6, tháng 7 âm lịch: Mỹ Khê ngày 10/6, Nam Thọ 12/6, Thanh Khê 10/7. Ở Bình Định, đình làng Thiện Xuân và Tứ Chánh đã bị phá hủy sau giải phóng, không xây dựng lại nên ở đây không tổ chức lễ kỳ yên. Thôn Lý Chánh ở làng Nhơn Lý tổ chức lễ kỳ yên ngày 9/7, trong khi đó thôn Lý Hưng ở đây lại làm vào ngày 10/3. Làng Vạn Giã ở Vạn Ninh, Khánh Hòa cũng tổ chức lễ kỳ yên vào ngày 10/3. Lễ kỳ yên ở các làng biển Nam Trung Bộ thường bao gồm ba tiểu lễ là lễ vọng, lễ tế cô hồn và lễ chính. Tuy nhiên, cũng có sự khác biệt nhất định, như nghi lễ bên Nam Thọ (Thọ Quang, Sơn Trà, Đà Nẵng)

phong phú hơn với diễn trình gồm: Lễ nghinh văn, lễ cúng Hưng Tác tại miếu Thành Hoàng, lễ vọng, lễ chính, xây châu hát lễ. Ở Lý Chánh và Lý Hưng, trước ngày chính lễ sẽ đi dầy mã âm hồn ở nghĩa trang làng và cúng nghinh thần thánh, cô hồn ngoài nghĩa trang về đình làm lễ quy thần nhập điện, sau lễ chính là hát bội trong 3 đến 4 đêm.

Lễ kỵ tiền hiền: Tiền hiền ở các làng ven biển Đà Nẵng không chỉ là ông Tổ của một dòng họ mà còn là người đã có công khai sáng, gây dựng làng. Do đó, ngày kỵ tiền hiền vừa mang tính chất kỵ nhật Tổ tiên vừa là cuộc tế lễ Phúc thần của làng. Với tư cách là Thần làng, lễ kỵ tiền hiền được tổ chức tại đình, do Ban khánh tiết làng chủ trì, mỗi năm một lần vào ngày lập làng, cũng là ngày lễ Kỳ yên như ở làng Nam Thọ, làng Tứ Chánh, làng Vạn Giã, thôn Lý Hưng và thôn Lý Chánh thuộc làng Nhơn Lý. Nhưng có nơi như làng Mỹ Khê, Thanh Khê, tiền hiền thờ ở đình chỉ là phối thờ, nơi thờ chính vẫn là Nhà thờ tộc tiền hiền và ở phạm vi này, những người tham dự lễ chủ yếu là người trong tộc. Các nghi thức và mục đích cúng giỗ tiền hiền tại đình và nhà thờ tộc tiền hiền khá thống nhất. Thường là lễ vọng tổ chức vào chiều hôm trước, sáng hôm sau là lễ tế âm linh và lễ chính với đầy đủ nghi thức của các bước như sơ hiến, á hiến, chung hiến.

Lễ vía Bà: Tín ngưỡng thờ Nữ thần/Mẫu thần/Bà ở ngư dân Nam Trung Bộ khác với khu vực Bắc Bộ. Ở các làng biển Nam Trung Bộ không có những cơ sở thờ tự lớn và ít các lễ cúng lớn có liên quan đến đối tượng thờ là Nữ thần/Bà. Nghi lễ tổ chức như tế đình, gồm: Lễ vọng, lễ âm linh và lễ chính. Chẳng hạn ở làng Nam Thọ, lễ vía Bà (Thiên Y Ana) diễn ra trong hai ngày 24 và 25/1 (âm lịch). Đặc biệt, trong lễ chính có nghi thức dâng bông và dâng đèn mang tính bắt buộc do ông đồng tử, gọi là “xác” của Bà thực hiện. Ba năm tổ chức một lần đại lễ, có hát tuồng, mổ heo, vật bò đái cả làng. Ở làng Thanh Khê, mỗi xóm có một miếu thờ bà Thánh phi riêng và tổ chức lễ cúng riêng cũng vào 2 ngày 24 và 25/1 âm lịch. Ở thôn Lý Chánh, làng Nhơn Lý, cúng Bà vừa tổ chức chung với lễ cúng ở đình và lăng vì phối thờ (thờ bà Ngũ hành ở đình và bà Thủy, bà Mộc ở lăng Ông) đồng thời có nơi thờ cúng riêng, đó là miếu Bà thờ bà chúa Tiên và bà Ngũ hành.

Ngoài ra, ở các làng biển Nam Trung Bộ còn có *Lễ cúng vũng*: Vũng, vịnh là những nơi neo đậu ghe thuyền để tránh gió bão. Lễ cúng vũng ở làng Nam Thọ (Thọ Quang, Đà Nẵng) được tổ chức vào ngày 10/3 âm lịch. Mục đích của lễ cúng vũng là cầu xin thần linh, nhất là bà Thủy, ông Cao Các làm cho sóng yên bể lặng, phù trợ người dân đi biển đánh bắt được mùa, tôm cá đầy khoang. Lễ gồm ba tiểu lễ: Lễ

cúng thần Cao Các, lễ sơ nước, lễ chính. Lễ cúng vũng của làng biển Tứ Chánh (Thiện Chánh 2), xã Tam Quan Bắc, huyện Hoài Nhơn (Bình Định) được tổ chức ngày 6/2, còn gọi là lễ cúng cái đầm An Hảo. Bên cạnh đó còn có *Lễ quẻ com cô bác*: Trong các làng khảo sát, lễ quẻ com cô bác với quy mô lớn và mang tính độc lập chỉ có ở làng Thanh Khê, dành cho cô bác các tộc họ trong làng đã bỏ mình trên biển, có tên tuổi được lưu giữ thờ phụng trong lăng Tập linh. Lễ này được tổ chức rất trọng thể trong hai ngày (23 và 24/3 âm lịch), bao gồm các tiểu lễ sau: Lễ nghinh Thủy thần, lễ khai kinh thỉnh Phật cầu siêu, lễ cúng Ngọ, lễ phóng sinh, lễ túc, lễ cúng cô hồn, lễ chính.

Có thể thấy, các tín ngưỡng và lễ hội truyền thống của cộng đồng ngư dân Nam Trung Bộ là kết quả của sự tương tác giữa con người với môi trường ven biển trong quá trình sinh hoạt và lao động sản xuất hàng ngày. Sống cạnh biển, khai thác nguồn lợi từ biển và tính mạng phụ thuộc vào mỗi chuyến ra khơi, niềm tin của người Việt ven biển Nam Trung Bộ đã hướng đến những vị thần trên biển cả và tín ngưỡng đã thỏa mãn nhu cầu được chở che, được yên ổn của họ.

2. Biến đổi trong tín ngưỡng và lễ hội của cư dân ven biển Nam Trung Bộ hiện nay

Trong giai đoạn đổi mới 1986 đến nay, nhất là từ những năm đầu của thế kỷ XXI, khi các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ đẩy nhanh tiến độ công nghiệp hóa - hiện đại hóa, nhiều đô thị được nâng cấp và phát triển, tạo ra những chiều kích, xung lực thúc đẩy sự biến đổi trên mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội - văn hóa của các tỉnh thành ở ven biển Nam Trung Bộ, đặc biệt là thành phố Đà Nẵng, Bình Định với thành phố Quy Nhơn và Khánh Hòa với thành phố Nha Trang. Sự phát triển của các yếu tố hạ tầng đã kéo theo những chuyển biến trong kiến trúc thượng tầng của thành phố, trong đó, có tín ngưỡng và lễ hội của cộng đồng ngư dân Nam Trung Bộ, được biểu hiện ở những mặt sau:

Thứ nhất, sự biến mất của một số hình thái tín ngưỡng, lễ hội trong đời sống cộng đồng

Sự biến mất của một số cơ sở thờ tự tín ngưỡng như lăng Ông, miếu Bà Đại Càn, miếu Âm linh ở làng Mỹ Khê, miếu Ngũ hành tiên nương ở làng Nam Thọ (phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, Đà Nẵng), cùng sự vắng bóng một số nghi lễ trong thực hành tín ngưỡng như lễ hội Cầu ngư, lễ cúng Âm linh ở làng Mỹ Khê, lễ vía Đại Càn Quốc gia Nam Hải, lễ vía Ngũ hành tiên nương ở làng Nam Thọ, lễ Cầu ngư ở làng Tân Lưu (phường Hòa Hải, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng), lễ hội đình làng

Tứ Chánh, làng Thiện Xuân (Tam Quan Bắc, Hoài Nhơn, Bình Định), lễ hội đình ở làng Vạn Giã là minh chứng cho điều này.

Có nhiều nhân tố tác động đến thực tế trên, trong đó quan trọng hơn cả là nhân tố “lỗi văn hóa” - tức sinh kế của một cộng đồng người. Văn hóa của một cộng đồng không thể tách rời với môi trường sống. Tín ngưỡng cư dân ven biển được hình thành trong mối quan hệ tương tác, gắn bó giữa cư dân với biển khơi, thể hiện ứng xử của con người với môi trường tự nhiên bao quanh. Do đó, một khi sinh kế thay đổi (nghề nghiệp thay đổi, phương tiện sinh kế thay đổi, môi trường thay đổi,...) thì văn hóa sẽ thay đổi theo. Thực tế ở làng Mỹ Khê, làng Tân Lưu cho thấy, khi sự phụ thuộc và sự gắn kết với biển, tựa vào biển để sinh sống ngày càng nhạt dần, người dân hướng vào tìm cách sinh tồn ở lục địa như buôn bán tạp hóa, làm trong nhà hàng, khách sạn, khu du lịch, cơ quan nhà nước,... Không còn người có nhu cầu thực hành, không còn mục đích hay niềm tin phục vụ cho thực tế đánh bắt cá để sinh tồn..., vậy nên, tín ngưỡng gắn với sinh thái biển của cộng đồng dân cư nơi đây cũng vì thế mà mất dần.

Thêm vào đó, sự xuất hiện ngày càng đông dân “ngụ cư” đến từ các địa phương khác trong cả nước do bị thu hút bởi sự phát triển kinh tế - xã hội ở các đô thị, đặc biệt là Đà Nẵng và Nha Trang. Không gắn bó mật thiết với mảnh đất như dân “chính cư”, không có chung niềm tin tín ngưỡng, không hành nghề biển, những đặc tính đó khiến những người dân “ngụ cư” thêm xa rời với tín ngưỡng cư dân ven biển, nhất là khi chính bản thân họ cũng không muốn quan tâm và không có nhu cầu. Mặt khác, do quy hoạch đô thị gắn với giải tỏa đền bù, phân lô bán đất khiến dân biển phải tái định cư nơi khác, không có điều kiện khôi phục lại những tín ngưỡng, lễ hội truyền thống như làng Phước Đồng ở thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa là khu tái định cư của ngư dân làng Xuân Huân, Vĩnh Trường, Vĩnh Thọ, Vĩnh Phước ở ven biển trung tâm thành phố Nha Trang trước đây, vì không xây dựng lại đình nên hiện không có lễ kỷ yên gắn với tín ngưỡng thờ thành hoàng ở đình làng.

Thứ hai, sự mai một của các hình thái tín ngưỡng, lễ hội hiện tồn

Cùng với việc một số tín ngưỡng đã mất đi, một số tín ngưỡng và lễ hội của cư dân ven biển Đà Nẵng dù vẫn đang tồn tại song đã ẩn chứa nguy cơ mai một. Từng là nơi khói hương nghi ngút, nay lăng Bà Mỹ Khê nằm lơ lửng trên vỉa hè đường Võ Nguyên Giáp, quanh năm đóng cửa im lìm, rất ít người cầu cúng. Lễ hội cầu ngư ở làng Mỹ Khê được lồng vào lễ Xuân thu minh niên ngày 24/1 âm lịch, ngày 18/5 âm lịch chỉ còn lễ cúng đơn giản ở cấp độ tiêu lễ, không còn phân hội. Số

dân theo nghề biển còn quá ít nên sự duy trì nhang khói nơi thờ tự chỉ mang ý nghĩa là duy trì tín ngưỡng truyền thống mà cha ông đã để lại. Cũng giống như Mỹ Khê, lễ hội cầu ngư ở làng Xương Huân (nay thuộc phường Xương Huân, Nha Trang, Khánh Hòa) đã vắng bóng hơn mười năm nay do đa số ngư dân của làng thuộc ba khóm Duy Hòa, Duy Thanh và Duy Hải về tái định cư tại Hòn Rớ (Phước Đồng, Nha Trang, Khánh Hòa). Còn làng Nam Ô (nay thuộc phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu), hầu như năm nào cũng tổ chức lễ hội cầu ngư, nhưng năm 2018 phải bỏ hội chỉ làm lễ, vì *“dân biển giải toả đi nơi khác rồi, còn mấy người mà tổ chức hội đâu con, chưa nói bãi biển đang ngổn ngang đất đá như vậy”* (pvs, nam, 64 tuổi, ngư dân, phường Hòa Hiệp Nam, 2018).

Có thể thấy, sự mai một trong tín ngưỡng, nghi lễ, lễ hội của các làng biển Nam Trung Bộ được thể hiện ở sự thu hẹp không gian thờ tự tín ngưỡng, việc tổ chức vội vàng mang tính chiếu lệ của các buổi lễ, sự suy giảm quy mô lễ cúng, suy giảm niềm tin và thực hành tín ngưỡng, hay khó khăn trong việc duy trì đội ngũ thực hành nghi lễ... Như làng Mỹ Khê, Nam Thọ, Thanh Khê, Nam Ô, Tân Lưu, Tân Thái (nay thuộc phường Mân Thái, quận Sơn Trà), An Hải (nay thuộc phường An Hải Tây, phường An Hải Đông và phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà), làng Tứ Chánh (Tam Quan Bắc, Hoài Nhơn, Bình Định,...

Thứ ba, khôi phục và củng cố tín ngưỡng, lễ hội cổ truyền

Sau khi được công nhận là thành phố trực thuộc Trung ương và đô thị hóa được đẩy mạnh, đời sống kinh tế của người dân Đà Nẵng, trong đó có cư dân ven biển ngày một khá hơn, nhất là khi kinh tế biển được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố. Một số làng ven biển có điều kiện đã đầu tư vào tín ngưỡng, sửa chữa, xây mới cơ sở thờ tự và khôi phục lại các lễ hội, lễ cúng. Ở Nam Thọ, năm 2016, lễ hội đình làng được tổ chức, phục hồi sau gần 40 năm vắng bóng, dù xét về quy mô, hình thức không còn lớn như trước. Phần hội thiếu vắng các trò chơi dân gian, chỉ thuê gánh hát trong Hội An về hát bội trong hai đêm cho dân làng nghe. Tuy vậy, cũng thu hút rất đông người dân đến đình, tạo nên không khí hừng khởi, náo nhiệt đã từ lâu không thấy.

Ở Thanh Khê, một trong những làng có nghề biển phát đạt nhất ở Đà Nẵng hiện nay lại có xu hướng phục hồi lại những tín ngưỡng truyền thống của cha ông thuở trước, điển hình là tín ngưỡng thờ Bà Thiên Y A Na (Bà Thánh phi) ở các miếu xóm và tín ngưỡng thờ Thổ thần (Thành hoàng) ở miếu Tam vị. Việc xây dựng miếu Thuyền cũng

thể hiện sự hưng khởi của tín ngưỡng thờ âm linh/cô bác tại làng biển Thanh Khê. Ngoài ra, sự phát triển của tín ngưỡng cộng đồng nơi đây còn thể hiện ở quy mô cuộc lễ lớn hơn, vật phẩm dâng cúng đủ đầy, phong phú hơn, sự bài bản trong nghi thức tế, huy động được nguồn kinh phí đóng góp khá lớn và số lượng người dân tham gia cúng kiếng, phụng cúng khá đông.

Tại khu tái định cư Hòn Rớ (thuộc Phước Đồng, Nha Trang, Khánh Hòa), nơi tập trung đông ngư dân bị giải tỏa ở các phường ven biển thành phố Nha Trang như Vĩnh Nguyên, Vĩnh Phát, Vĩnh Thọ, Vĩnh Trường, Xương Huân, cuối tháng 5/2015, UBND tỉnh ban hành Thông báo số 278 cho phép cộng đồng dân cư Khu dân cư Hòn Rớ 1 lập dự án đầu tư xây dựng Lăng Ông với diện tích khoảng 738m². Đến năm 2017, công trình Lăng Ông đã được hoàn thành với diện tích xây dựng khoảng 600m², tổng mức đầu tư khoảng 600 triệu đồng cùng với sự đóng góp về vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí, nội thất... của cộng đồng ngư dân [Minh Thiết, 2017]. Do mới xây dựng chưa có cốt cá Ông nên Ban quản lý đã rước linh của Ông từ giữa Biển Đông về thờ phụng trong lăng và tổ chức lễ Cầu ngư vào ngày 15/6 (âm lịch). Như vậy, sau 17 năm về vùng đất mới, qua nhiều lần kiến nghị, hàng nghìn ngư dân vùng đất này đã có Lăng Ông Nam Hải - nơi sinh hoạt tín ngưỡng không thể thiếu đối với những người đi biển.

Ngoài ra, xu hướng liên kết giữa các làng trong việc tổ chức lễ hội Cầu Ngư theo chủ trương xã hội hóa, tiết kiệm, chống lãng phí, hạn chế lễ hội tràn lan, xây dựng đời sống văn hóa, văn minh đô thị của chính quyền thành phố cũng là một trong những hoạt động góp phần khôi phục và củng cố tín ngưỡng, lễ hội truyền thống ở cư dân ven biển Đà Nẵng. Điển hình là lễ hội cầu ngư quận Thanh Khê, bắt đầu từ năm 2010 được phục dựng lại cơ bản theo nghi trình truyền thống và do ba phường Thanh Khê Đông, Thanh Khê Tây (trước là làng Thanh Khê) và Xuân Hà (trước là làng Hà Khê) luân lượt luân chuyển phụ trách đăng cai. Địa điểm thay vì ở lăng Ông của các làng nay chuyển sang khu vực ven biển gần Miếu Thuyền của làng Thanh Khê (phường Thanh Khê Đông) hoặc bãi biển Xuân Hà (phường Xuân Hà). Tương tự, năm 2015, quận Sơn Trà cũng tổ chức lễ hội cầu ngư quận, luân phiên giữa hai làng ven biển là Tân Thái và Nam Thọ với đầy đủ các nghi lễ cơ bản (gồm lễ nghinh thần, lễ tế âm linh, lễ chính tế) và nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ mang tính cộng đồng, phù hợp với cư dân vùng biển, như hát bả trạo, hát tuồng, hô hát bài chòi, ca nhạc, thi âm thực, kéo co, ngoáy thúng, đan lưới, gánh cá, bóng chuyền bãi biển...

Bên cạnh đó, nếp sống mới - nếp sống văn hóa, văn minh đô thị - cũng in dấu trong tín ngưỡng, lễ hội. Trong các lễ cúng người dân bỏ những nghi thức liên quan đến thầy phù thủy, xin keo,... các yếu tố khoa học công nghệ, kỹ thuật được đưa vào sử dụng giúp cho việc thực hành tín ngưỡng, tổ chức lễ hội được thuận tiện. Mặt khác, lối sống đô thị với đặc điểm nhanh và thực dụng in dấu trong cuộc sống và tín ngưỡng, lễ hội cư dân ven biển Nam Trung Bộ, thể hiện ở sự biến đổi theo hướng đơn giản hóa: Photo văn cúng thay vì viết tay như trước nên dẫn đến tính thiêng của nó và lòng thành kính đối với nó giảm bớt; đặt đồ cúng hoặc mua sẵn; lược bỏ một số lễ thức; không cố định về thời gian; không quá nhiều kiêng kỵ đối với lễ vật dâng thần.

3. Những vấn đề đặt ra và giải pháp bảo tồn, phát huy

Quá trình vận động của tín ngưỡng, lễ hội cư dân ven biển Nam Trung Bộ trong lịch sử nói chung và trong quá trình đổi mới nói riêng cho thấy có sự tồn tại song hành hai xu hướng vận động của tín ngưỡng và lễ hội, đó là giữ gìn tín ngưỡng, lễ hội theo nếp cũ (truyền thống) và biến đổi cho phù hợp với hoàn cảnh mới.

Từ thực trạng biến đổi tín ngưỡng, lễ hội ở cư dân ven biển Nam Trung Bộ trong giai đoạn đổi mới sau năm 1986 đến nay cho thấy, có một số vấn đề cần phải được các cấp chính quyền và người dân lưu tâm xem xét, giải quyết nhằm bảo tồn và phát huy giá trị tín ngưỡng, lễ hội ở cộng đồng cư dân ven biển Nam Trung Bộ.

Một là, niềm tin và thực hành tín ngưỡng, lễ hội có biểu hiện suy giảm ở một số làng ven biển ở Nam Trung Bộ. Mặc dù, tín ngưỡng của mỗi người dân ít có sự thay đổi, song, xét tổng thể số lượng cư dân của một làng, đặt trong sự đối sánh trước đây và hiện nay, cho thấy, niềm tin của cư dân ven biển vào các vị thần đã giảm sút khá nhiều. Có những người vì không biết các vị thần trong tín ngưỡng là ai nên chẳng biết tin hay không tin. Bên cạnh đó, có những nơi như ở Nha Trang, ngư dân chuyển sang khu tái định cư, cách xa nơi thờ tự cũ; có nơi như ở Vạn Giã (Vạn Ninh, Bình Định), đình làng bị sáp nhập vào xã bên cạnh do phân chia lại địa giới hành chính, cũng khá xa so với khu vực cư trú của ngư dân ven biển nên không tiện cho việc đi lại cúng bái, tham gia lễ hội. Điều đó, khiến cho việc thực hành tín ngưỡng, lễ hội của cư dân ven biển Nam Trung Bộ như cúng bái, tham dự lễ hội, lễ cúng truyền thống của làng có chiều hướng suy giảm theo, bên cạnh những lý do khác như công việc bận rộn, không hứng thú với thực hành tín ngưỡng...

Hai là, cần duy trì chủ thể của tín ngưỡng, lễ hội của cư dân làng biển khi đa phần dân làng đã và đang tiếp tục bỏ nghề biển. Bên cạnh sự bấp bênh của nghề, du lịch biển phát triển, đã tạo cơ hội việc làm cho dân ven biển sang lĩnh vực dịch vụ du lịch, chưa kể quy hoạch lại cơ sở hạ tầng ven biển, sự hình thành các khu du lịch ven biển... đã di dời một số lượng lớn ngư dân đến nơi khác sinh sống và buộc phải bỏ nghề biển, như làng Nam Ô, Mỹ Khê, Tân Lưu (thành phố Đà Nẵng). Một khi dân biển - chủ thể của tín ngưỡng suy giảm thì tất yếu sẽ kéo theo sự suy yếu của các hình thái tín ngưỡng cộng đồng ở các làng ven biển Nam Trung Bộ, đồng thời đưa đến những khó khăn trong vấn đề duy trì thờ cúng, huy động kinh phí sửa chữa,...

Mặt khác, theo thực tế nghiên cứu, sự xáo trộn dân cư là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự thay đổi và khác biệt trong niềm tin và thực hành tín ngưỡng, lễ hội ở cư dân ven biển Nam Trung Bộ trong quá trình đô thị hóa. Sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong quá trình đô thị hóa cũng tạo ra sức hút với dòng di dân từ nông thôn và các tỉnh khác tới tạo nên những đóng góp lớn về kinh tế, đồng thời cũng nảy sinh nhiều vấn đề kinh tế - xã hội rất phức tạp. Trên phương diện văn hóa tín ngưỡng truyền thống, sự xuất hiện cư dân từ nơi khác trong thành phố hay từ các tỉnh thành khác trong nước đã làm thay đổi tính cố kết cộng đồng làng xã về mặt tâm linh thông qua tín ngưỡng, lễ hội. Những người dân “ngụ cư” chưa có thời gian gắn bó lâu dài với vùng đất nơi họ di cư đến, chưa hiểu hết về tín ngưỡng, lễ hội và không tham gia vào hoạt động nghề biển, điều đó khiến họ xa lạ với sinh hoạt tín ngưỡng tại địa phương. Thực tế qua khảo sát, những người không tin hay không đến cơ sở thờ tự tín ngưỡng, tham dự lễ hội làng chiếm số đông là cư dân nơi khác đến.

Ba là, sự suy thoái và triệt tiêu một số tín ngưỡng, lễ hội ở một số làng ven biển Nam Trung Bộ bước đầu đã để lại hệ quả đáng lo ngại, đó là *sự thiếu kết nối giữa giới trẻ với các giá trị văn hóa tín ngưỡng truyền thống*. Nếu phân chia độ tuổi thanh niên - trung niên - lão niên tương ứng là dưới 35 tuổi - từ 35 đến 55 - trên 55 tuổi, khảo sát ngẫu nhiên 120 người ở làng Mỹ Khê cho kết quả như sau: 62,9% thanh niên đang sống tại khu vực thuộc phạm làng Mỹ Khê trước đây không biết nơi mình ở có tín ngưỡng đó; 82,4% không biết tín ngưỡng thờ ai, 82,6% không tham gia lễ hội, 81,8% không đến cơ sở thờ tự, 88,5% không biết ý nghĩa của các lễ hội, lễ cúng [Lê Thị Thu Hiền, 2017: 131]. Điều này, đã ảnh hưởng không nhỏ đến vấn đề giữ gìn các tín ngưỡng hiện tồn tại làng Mỹ Khê, bởi thế hệ trẻ sẽ chính là chủ nhân

trong tương lai của các tín ngưỡng nơi đây. Đồng thời, cũng gây khó khăn trong việc đào tạo đội ngũ thực hành tín ngưỡng kế cận, một khi lớp thanh niên không có kiến thức và không nhận thức đúng về giá trị tín ngưỡng, lễ hội truyền thống của địa phương mình, dẫn đến thái độ thờ ơ, thậm chí là quay lưng lại.

Bốn là, đầu tư cho việc bảo lưu, phát triển tín ngưỡng, lễ hội còn hạn chế. Đầu tư cho văn hóa ở các địa phương ven biển tuy có tăng trong những năm gần đây nhưng vẫn chưa tương xứng với phát triển kinh tế. Dù ngân sách đầu tư cho văn hóa có tăng nhưng chưa cao, chủ yếu tập trung xây dựng các thiết chế văn hóa mang tính hiện đại, chưa đầu tư mạnh và đầu tư thường niên cho văn hóa, tín ngưỡng truyền thống, đặc biệt là văn hóa, tín ngưỡng biển. Mặt khác, chính quyền các cấp và sở ban ngành còn chậm trễ trong khâu xét duyệt kinh phí đầu tư sửa chữa di tích tín ngưỡng đã xuống cấp ở các làng biển. Công tác kiểm kê, kiểm tra hiện trạng di tích tín ngưỡng tại các làng không được tiến hành thường xuyên theo định kỳ. Việc tư liệu hóa, số hóa, ghi âm, quay phim các giá trị văn hóa phi vật thể của cư dân ven biển Nam Trung Bộ, trong đó có tín ngưỡng, chưa được thực hiện đầy đủ để lưu giữ.

Từ những vấn đề đặt ra sau khi nghiên cứu sự biến đổi trong tín ngưỡng và lễ hội của cộng đồng ngư dân Nam Trung Bộ, chúng tôi xin đề xuất một số giải pháp sau nhằm bảo tồn và phát huy giá trị tín ngưỡng cũng như lễ hội của cộng đồng cư dân ven biển Nam Trung Bộ trong bối cảnh đô thị hóa, hội nhập hiện nay:

Thứ nhất, những chuyển biến ban đầu ở tín ngưỡng, lễ hội truyền thống của cư dân ven biển Nam Trung Bộ trong quá trình đô thị hóa đặt ra vấn đề trước hết là chính quyền địa phương cần có định hướng và hành động cụ thể trong việc *nâng cao nhận thức của người dân về giá trị, ý nghĩa của tín ngưỡng cộng đồng bản địa* nhằm bảo tồn và phát huy giá trị tín ngưỡng, lễ hội cổ truyền của cư dân ven biển Nam Trung Bộ hiện nay. Kết hợp với Ban khánh tiết các làng, chính quyền địa phương cần phát động những cuộc thi tìm hiểu về văn hóa tín ngưỡng của địa phương; tuyên truyền qua loa đài; hỗ trợ kinh phí tổ chức lễ hội để mở rộng quy mô, đa dạng hóa phân hội nhằm tăng tính hấp dẫn, thu hút người dân tham gia. Công tác bảo tồn và phát huy văn hóa tín ngưỡng cư dân ven biển Nam Trung Bộ chỉ thực sự hiệu quả khi có sự chung tay, góp sức của cả cộng đồng và người dân phải ý thức được mình chính là chủ thể của tín ngưỡng chứ không phải ai khác.

Thứ hai, ngư dân là chủ thể của tín ngưỡng, lễ hội biển đảo Nam Trung Bộ, do đó, cách bảo tồn hiệu quả nhất phải do chính chủ nhân của văn hóa, tín ngưỡng này thực hiện và duy trì thường xuyên trong cuộc sống lao động, sinh hoạt hằng ngày gắn với môi trường biển. Kết quả nghiên cứu bước đầu cho thấy ở thành phố Đà Nẵng, so với làng Mỹ Khê nay đã chuyển thành khu vực kinh doanh dịch vụ, du lịch, làng Thanh Khê - nơi vẫn còn số đông cư dân theo nghề biển có niềm tin vào các vị thần (đặc biệt là các vị thần liên quan đến biển) đậm nét hơn và việc thực hành tín ngưỡng cũng thường xuyên hơn, đông đảo hơn.

Thực tế đó chứng tỏ, tín ngưỡng và lễ hội của cư dân ven biển Nam Trung Bộ sẽ mai một nếu không có bộ phận ngư dân - chủ nhân gốc và chính của tín ngưỡng ven biển, do đó, cần tạo điều kiện để ngư dân có thể tiếp tục bám biển, đảm bảo cuộc sống mưu sinh của mình. Muốn vậy, trước hết người dân phải khắc phục, từ bỏ tâm lý “sợ biển”, “quay lưng với biển”. Nhà nước và chính quyền các tỉnh thành Nam Trung Bộ cần phải tiếp tục nâng cao đời sống cho cư dân biển đảo bằng tăng cường các chính sách hỗ trợ vùng miền, đa dạng hóa sản phẩm từ biển, nhất là thế mạnh của du lịch biển đảo, tạo mọi điều kiện tốt nhất để ngư dân có thể đánh bắt xa bờ. Chỉ khi nào giữ được nghề thì văn hóa, tín ngưỡng của ngư dân mới có nền tảng và môi trường thực hành để tồn tại và phát triển.

Thứ ba, các cấp chính quyền tỉnh thành thuộc khu vực Nam Trung Bộ cần đầu tư mạnh cho văn hóa, tín ngưỡng, lễ hội địa phương, đặc biệt là văn hóa, tín ngưỡng, lễ hội cư dân ven biển. Để thu hút khách du lịch, nhất là khách quốc tế đến Nam Trung Bộ thì cần có những sản phẩm du lịch đặc trưng riêng có của vùng. Và muốn hình thành cái riêng đó chỉ có thể sử dụng chất liệu là “văn hóa truyền thống”, “bản sắc văn hóa” đã được kết tinh qua hàng trăm năm của mảnh đất Nam Trung Bộ. Do đó, đầu tư “mạnh tay” cho văn hóa, tín ngưỡng, lễ hội là không chỉ là việc làm cần thiết mà còn rất cấp thiết, làm nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế biển Nam Trung Bộ. Ngoài nguồn kinh phí của Nhà nước, cần huy động nhiều nguồn hỗ trợ khác nhau trong việc bảo tồn văn hóa, tín ngưỡng từ phía người dân, cơ quan, doanh nghiệp và tư nhân ở cả trong và ngoài nước. Thực tế cho thấy, những nơi tín ngưỡng, lễ hội cộng đồng truyền thống được bảo tồn tương đối tốt hiện nay như Thanh Khê, Nhơn Lý, Vạn Giã là do có nguồn kinh phí từ nhiều nguồn tài trợ khác nhau.

Thứ tư, tư liệu hóa các giá trị văn hóa, tín ngưỡng cư dân ven biển Nam Trung Bộ. Một trong những việc cần tiến hành trước tiên là Sở Văn hóa, thể thao các tỉnh thành khu vực Nam Trung Bộ cần phối hợp với các ban ngành có liên quan tổ chức đợt khảo sát quy mô lớn, điều tra, sưu tầm và thống kê các di sản tín ngưỡng, văn hóa cư dân ven biển nhằm nhận diện và xác định mức độ tồn tại, giá trị và sức sống của từng loại di sản văn hóa, tín ngưỡng trong cộng đồng, trên cơ sở đó, mới có thể đề xuất phương án bảo tồn, phát huy một cách hiệu quả. Tư liệu hóa không chỉ bằng hình thức văn bản mà còn bằng phương pháp quay phim, ghi âm, chụp ảnh, in đĩa, quản lý bằng công nghệ thông tin. Ví như ở phương diện tín ngưỡng, đối với diễn trình các nghi lễ, lễ hội nên được thực hiện bằng cách nghiên cứu, viết đề cương, kịch bản, quay phim, chụp ảnh, dựng thành phim để lưu trữ. Sau đó, tiến hành hệ thống hóa các tư liệu và xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử về tín ngưỡng cư dân ven biển nói riêng, di sản văn hóa biển của thành phố nói chung.

Mặt khác, ưu tiên đầu tư cho các đề tài nghiên cứu khoa học cấp thành phố về văn hóa, tín ngưỡng cư dân ven biển và tạo điều kiện xuất bản thành sách, thông qua đó quảng bá văn hóa truyền thống của vùng đất Nam Trung Bộ. Quan trọng hơn, kết quả nghiên cứu của các công trình, đề tài khoa học sẽ tạo cơ sở lý luận và thực tiễn, cùng nhiều giải pháp thiết thực, hữu ích cho công tác phục dựng và phát huy giá trị văn hóa, tín ngưỡng cư dân ven biển Nam Trung Bộ.

Thứ năm, bảo tồn trong các bảo tàng, tiến tới xây dựng riêng bảo tàng văn hóa biển ở từng tỉnh thành ven biển Nam Trung Bộ hoặc xây dựng một bảo tàng văn hóa biển chung cho cả khu vực Nam Trung Bộ và biến nó trở thành một điểm du lịch của địa phương/vùng.

Không riêng gì các tỉnh thành duyên hải Nam Trung Bộ, hiện tại ở Việt Nam chưa có một bảo tàng chuyên đề nào về nghề đi biển hay truyền thống văn hóa biển của người Việt. Đơn cử như tại Đà Nẵng hiện có bảo tàng Đà Nẵng và bảo tàng Đồng Đình là hai điểm trưng bày các hiện vật thể hiện đậm nét giá trị văn hóa biển đảo quê hương. Trong các khu vực trưng bày của Bảo tàng Đà Nẵng, không gian giới thiệu về đời sống ngư dân biển và cảng biển được sắp xếp, bố trí với nhiều hiện vật phong phú. Các hình ảnh về thương cảng xưa của Việt Nam như Vân Đồn, Phố Hiến, Hội An, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Sài Gòn, Óc Eo, cũng như các hình ảnh của ngôi nhà chèo ven sông, các vật dụng sinh hoạt hàng ngày của cộng đồng đi biển như các loại lưới, thuyền bè, dụng cụ làm nghề... đã khắc họa rõ hơn vai trò, vị trí của

biển ở khu vực miền Trung, Nam Việt Nam, và cuộc mưu sinh khó khăn, vất vả trên sông, trên biển của một bộ phận cộng đồng dân bản địa Đà Nẵng. Còn ở Bảo tàng tư nhân Đồng Đình, các giá trị di sản văn hóa vùng biển quê hương được thể hiện qua “Nhà ký ức làng chài” rất ấn tượng. Đó là một bộ sưu tập các công cụ lao động, các vật dụng, phương tiện đi lại, trang phục trong sinh hoạt hàng ngày và lễ hội của cộng đồng ngư dân, mô phỏng lại một trong những làng biển cổ nhất Đà Nẵng là làng chài Nam Thọ.

Không khó để nhận thấy, văn hóa cư dân ven biển lưu giữ trong các bảo tàng ở Đà Nẵng chủ yếu mới dừng ở văn hóa vật thể. Do đó, ở “Bảo tàng văn hóa biển” Nam Trung Bộ tương lai, cần có sự hiện diện của cả văn hóa phi vật thể. Đối với các văn hóa phi vật thể như tín ngưỡng, lễ hội bảo tàng nên có các đầu đĩa chiếu phim ở gian trưng bày văn hóa biển đảo như các đoạn phóng sự, hoặc các bộ phim liên quan hoạt động sinh hoạt tín ngưỡng của cộng đồng ngư dân Nam Trung Bộ để phục vụ tối đa hơn cho nhu cầu tìm hiểu của khách về văn hóa, tín ngưỡng vùng biển địa phương. Tại các bảo tàng, bên cạnh những hoạt động giáo dục và chương trình công chúng mang tính giáo dục cao có liên quan đến vấn đề biển đảo quê hương, có thể mở rộng thêm các buổi nói chuyện chuyên đề hay tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về văn hóa, tín ngưỡng biển; tổ chức triển lãm tranh ảnh về cuộc sống lao động, sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng của ngư dân Nam Trung Bộ... Thực hiện giải pháp này sẽ mang lại hiệu quả “kép”, đó là vừa là bảo tồn, đồng thời vừa là khai thác, phát huy giá trị văn hóa, tín ngưỡng cư dân ven biển bởi các bảo tàng đã và đang trở thành những địa chỉ hấp dẫn đối với khách du lịch.

Thứ sáu, với 3260km đường bờ biển, Việt Nam có nhiều tiềm năng và thực tế đang nỗ lực xây dựng “*thương hiệu*” *du lịch biển*. Nhận thức được giá trị của biển nên một số tỉnh thành Nam Trung Bộ, điển hình là Đà Nẵng và Nha Trang đã đầu tư phát triển một số loại hình, sản phẩm du lịch biển đảo mới như du lịch lặn biển, khám phá các hệ sinh thái biển, thưởng thức các trò giải trí gắn liền với biển như mô tô nước, tàu lượn, dù lượn, lướt sóng, thuyền buồm... để thu hút du khách đến và giữ chân du khách lâu hơn. Tuy nhiên, xu thế du lịch của du khách hiện nay không chỉ là đi để khám phá những vùng đất mới, mà còn là để thưởng thức ẩm thực, tham quan chiêm bái lễ hội, khám phá đời sống của cư dân và tự thân trải nghiệm trong không gian cư trú, không gian văn hóa, không gian tâm linh của cộng đồng dân cư ở điểm đến. Trong không gian văn hóa biển Nam Trung Bộ, tín ngưỡng

và lễ hội của cư dân ven biển là những thành tố quan trọng không thể thiếu. Do vậy, ngoài mục tiêu văn hóa, cần phục hồi và khai thác các giá trị văn hóa biển đặc sắc để phục vụ du lịch và quảng bá, phát huy giá trị văn hóa biển đảo như: ẩm thực biển; tín ngưỡng thờ cá Voi với lễ hội Cầu ngư; các loại hình văn nghệ dân gian miền biển như hát bội, hát bài chòi hay loại hình diễn xướng dân gian từng là nét đặc sắc, hấp dẫn trong lễ hội Cầu ngư nay đã vắng bóng, đó là hát bả trạo; phục dựng thí điểm không gian sinh hoạt, văn hóa thường nhật của làng chài xưa...

Cần lưu ý trong vấn đề phục hồi, khai thác các giá trị văn hóa, tín ngưỡng của cư dân ven biển nhất thiết phải gắn chặt với chủ thể văn hóa, tín ngưỡng, xuất phát từ nguyện vọng, nhu cầu của họ, tránh tình trạng chủ thể tín ngưỡng không phải người trực tiếp thực hiện và hưởng lợi. Chẳng hạn như phục dựng, khi tổ chức một lễ hội Cầu ngư cấp thành phố cần nghiên cứu kỹ, tổ chức bài bản các nghi lễ, hấp dẫn phần hội dựa trên nền tảng truyền thống và bản chất vốn có của nó, đặc biệt làm sao để ngư dân vẫn thấy họ chính là chủ thể chính của lễ hội.

Muốn phát triển du lịch biển đảo một cách bền vững và hiệu quả, cần phải chú trọng đến vai trò của cộng đồng cư dân ven biển, đặc biệt là ngư dân. Cần quan tâm hơn nữa việc nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường sinh thái biển đảo; bảo tồn các di sản văn hóa và giá trị văn hóa biển đảo; trang bị cho họ những kiến thức pháp lý quốc gia và quốc tế liên quan đến chủ quyền biển đảo; nâng cao năng lực tham gia hoạt động du lịch biển đảo của người dân, và quan trọng nhất là hỗ trợ sinh kế cho cư dân, khuyến khích người dân tham gia vào hoạt động du lịch biển đảo; chia sẻ lợi ích thu được từ hoạt động du lịch biển đảo cho cộng đồng một cách minh bạch, công bằng để người dân trở thành một trong những “trụ cột” chính để phát triển du lịch biển đảo bền vững.

Kết luận

Trải qua thời gian hàng trăm năm với biết bao biến động của lịch sử, những tín ngưỡng và lễ hội truyền thống của cư dân ven biển Nam Trung Bộ vẫn liên tục được trao truyền, kế thừa cho đến tận ngày nay. Để tạo nên một diện mạo mang những nét đặc thù của cộng đồng ngư dân Nam Trung Bộ như hiện tại, hệ thống tín ngưỡng, lễ hội của cộng đồng ngư dân ven biển nơi đây đã trải qua một quá trình chọn lọc, loại bỏ, thu nhận, biến đổi... và sự biến đổi ngày càng trở nên nhanh và mạnh khi khu vực ven biển ở các tỉnh thành Nam Trung Bộ đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, hiện đại hóa trong quá trình đổi mới đất nước, phục vụ cho phát triển kinh tế biển, đặc biệt là du lịch.

Trong tiến trình đổi mới đó, có nhiều yếu tố đã tác động và làm thay đổi phần nào diện mạo ban đầu của những tín ngưỡng, lễ hội của cộng đồng ngư dân Nam Trung Bộ. Sự biến đổi của tín ngưỡng, lễ hội của cộng đồng ngư dân Nam Trung Bộ phản ánh trên nhiều phương diện, từ những yếu tố hữu thể đến những yếu tố vô hình. Tuy vậy, sự biến đổi diễn ra với cường độ và quy mô không giống nhau ở các thành tố tín ngưỡng, lễ hội và không giống nhau ở các làng ven biển của Nam Trung Bộ. Từ quá trình vận động, biến đổi của tín ngưỡng cư dân ven biển Nam Trung Bộ trong giai đoạn đổi mới từ 1986 đến nay, một số vấn đề về niềm tin và thực hành tín ngưỡng, duy trì chủ thể tín ngưỡng, kinh phí cho hoạt động bảo tồn, phương thức bảo tồn và phát huy giá trị tín ngưỡng... đã được đặt ra để có giải pháp tương thích nhằm duy trì và phát triển hơn nữa các giá trị tín ngưỡng trong tương lai./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Văn Hào (2012), “Mấy ý kiến về cuốn sách Tín ngưỡng thờ nữ thần của người Việt ở Xứ Quảng” của Nguyễn Xuân Hương”, *Phát triển Kinh tế - xã hội Đà Nẵng*, Số 25.
2. Lê Thị Thu Hiền (2017), *Biến đổi tín ngưỡng của cư dân ven biển Đà Nẵng trong quá trình đô thị hóa hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Văn hóa học, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam.
3. Lê Thị Thu Hiền (2018), *Bảo tồn và phát huy giá trị tín ngưỡng cư dân ven biển Đà Nẵng trong quá trình đô thị hóa hiện nay*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
4. Ngô Thị Thu Hương (2014), “Văn hóa biển vùng duyên hải Nam Trung Bộ”, *Khoa học xã hội Việt Nam*, Số 12 (85).
5. Nguyễn Xuân Hương (2002), “Lễ hội Cầu ngư của cư dân ven biển Quảng Nam và Đà Nẵng”, *Văn hóa Dân gian*, Số 5.
6. Nguyễn Xuân Hương (2009), *Tín ngưỡng cư dân ven biển Quảng Nam - Đà Nẵng*, Nxb. Văn hóa - Thông tin và Viện Văn hóa, Hà Nội.
7. Hà Nguyễn (2013), *Tiểu vùng văn hóa duyên hải Nam Trung Bộ*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
8. Lê Quang Nghiêm (1970), *Tục thờ cúng của ngư phủ Khánh Hòa*, Tác giả xuất bản, Sài Gòn.
9. Lý Thị Nhâm (2018), “Tục thờ Thiên Hậu ở duyên hải Nam Trung Bộ”, *Văn hóa nghệ thuật*, Số 403 (1).
- 10.10. Trần Quang Nhất (Chủ biên) (2014), *Lễ hội miền biển và sông nước ở Phú Yên*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
11. Nguyễn Thanh Lợi (2006), “Tục thờ cá Ông ở ven biển Nam Trung Bộ”, *Văn hoá dân gian*, Số 4.

12. Phạm Tấn Thiên (2014), “Tín ngưỡng thờ cúng âm hồn của cư dân Nam Trung bộ”, *Nghiên cứu Phật học*, Số 3 (126).
13. Minh Thiết, *Ngư dân Hòn Rỏi đã có lăng Ông*, <https://baokhanhhoa.vn>, ngày đăng tải 23/07/2017, ngày truy cập 20/12/2021.
14. Nguyễn Thị Thanh Vân (2014), “Tín ngưỡng thờ Thiên Yana vùng Nam Trung Bộ”, *Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật*, Số 362.
15. Viện Văn hóa Thông tin (2006), *Văn hóa cư dân Việt ven biển Phú Yên*, Viện Văn hóa Thông tin, Sở Văn hóa Thông tin Phú Yên, Phú Yên.
16. Nguyễn Đăng Vũ (2003), *Văn hóa dân gian của cư dân ven biển Quảng Ngãi*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử văn hóa và nghệ thuật, Viện Văn hóa nghệ thuật Việt Nam, Hà Nội.
17. Nguyễn Đăng Vũ (2007), “Tục thờ cúng âm hồn ven biển Nam Trung Bộ”, *Tạp chí Di sản văn hóa*, Số 4 (21).
18. Nguyễn Thị Thanh Xuyên (2016), *Tín ngưỡng thờ nữ thần của cư dân ven biển tỉnh Khánh Hoà*, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội.

Abstract:

TRADITIONAL BELIEFS AND FESTIVALS OF COASTAL RESIDENTS IN SOUTH CENTRAL REGION OF VIETNAM: CHANGES AND PROBLEMS

Le Thi Thu Hien

University of Science and Education - The University of Da Nang

The South Central Coast of Vietnam is a land with a rich history and cultural diversity, in which maritime culture plays a prominent role, expressed in folk activities such as beliefs and festivals, customs, literature, and arts,... of generations in the area. Faced with historical changes, especially the strong impact of the process of industrialization and modernization in the South Central coastal provinces and cities in the early 21st century, traditional culture, including beliefs and the region's festivals gradually changed. Those changes raise several issues about subjects, beliefs and religious practices, festivals, conservation funding... and show the need for solutions to preserve and promote religious values. thresholds as well as festivals of the South Central coastal community in the current context of urbanization and integration.

Keywords: Beliefs, festivals, South Central region, coastal residents, situation and solutions.